TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/03/2022
"*Về việc ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa
- Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc*"Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt Kh, sinh năm 1974 (vắng mặt có đơn)

2. Bị đơn: Chị Đinh Thanh Th, sinh năm 1977 (vắng mặt có đơn)

Cùng địa chỉ: ấp Kim Qui B, xã Vân Khánh, huyện An Minh- Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 14/12/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Kh trình bày và yêu cầu như sau:***

Anh Kh và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp với nhau, mỗi lần trao đổi thì có cự cải nhau nên tình cảm không hạnh phúc, anh Kh xác định không thể tiếp tục sống với nhau được nữa, anh Kh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thanh Th.

- Về con chung: Anh Kh xác định trong thời gian sống chung với chị Th có 01 đứa con chung đặt tên Nguyễn Thị Huyền Chân, sinh năm 1999, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Anh Kh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2022 bị đơn chị Đinh Thanh Th trình bày như sau***:

Chị Th và anh Kh chung sống với nhau như vợ chồng năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn, do cuộc sống chung không được phù hợp nhau nên không đi đăng ký kết hôn, chị Th và anh Kh do không hợp nhau cách sống và cách làm kinh tế gia đình nên chị và anh Kh không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, nay anh Kh xin ly hôn với chị, chị đồng ý, về con và tài sản chị Th thống nhất như ý kiến anh Kh nêu ra, không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa*:** Nguyên đơn anh Kh và chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**** Kiểm sát viên phát biểu*:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định anh Kh và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh Kh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Th, thấy rằng hôn nhân giữa anh Kh và chị Th vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên khi anh Kh có đơn khởi kiện xin y hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, khoản 1 Điều 14 ghi: " Nam và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng…" áp dụng vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Việt Kh và chị Đinh Thanh Th.

- Về con chung: Anh Kh và chị Th xác định, có 01 đứa con chung Nguyễn Thị Huyền Chân, sinh năm 1999, hiện nay Huyền Chân đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, anh Kh không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Anh Kh và chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] X*ét về quan hệ hôn nhân*: Anh Kh và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 1997 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh Kh khởi kiện xin ly hôn đối với chị Th, chị Th đồng ý ly hôn với anh Kh xét thấy, anh Kh và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng 1997 đến nay không đăng ký kết hôn nên phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nay anh Kh có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 " *Nam và Nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng*…" Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Việt Kh và chị Đinh Thanh Th.

[2]. *Về con chung*: Anh Kh và chị Th xác định, có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Huyền Chân, sinh năm 1999, hiện nay Huyền Chân đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, anh Kh và chị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ*: Anh Kh và chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4**]** *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14 và Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Việt Kh và chị Đinh Thanh Th.

[2]. *Về con chung*: Anh Kh và chị Th xác định, có 01 đứa con chung là Nguyễn Thị Huyền Chân, sinh năm 1999, hiện nay Huyền Chân đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, anh Kh và chị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Anh Kh và chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm:* Buộc anh Kh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), án phí ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà anh Kh đã nộp theo biên lai số 0005231 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh Kh thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tống đạt hợp lệ theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

Lê Mỹ Huê